
CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KC - 10

Đề tài : KC - 10 . 02

H E T H O N G C A C
QUAN ĐIỂM VÀ TIÊU CHUẨN PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI THỦ ĐO
H A N O I

Hà nội - 1992.

TRANG 1/1
Số 1951-5
HÀ NỘI

M U C L U C

I. Tình hình kinh tế, xã hội của Thủ đô Hà nội

1. Vị trí của Thủ đô Hà nội
2. Điều kiện tự nhiên và dân số.
3. Điều kiện kinh tế.

II. Mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000.

1. Mục tiêu cơ bản, mục tiêu chủ yếu.
2. Các chỉ tiêu phát triển tổng hợp của Hà nội đến năm 2000.

III. Hiện trạng giao thông vận tải ở Thủ đô Hà nội.

1. Hiện trạng về hệ thống giao thông.
2. Hiện trạng về hệ thống vận tải.

IV. Mục tiêu phát triển giao thông vận tải Thủ đô Hà nội.

V. Những quan điểm và tiêu chuẩn phát triển giao thông vận tải ở Thủ đô Hà nội.

1. Phát triển giao thông vận tải phải đi trước một bước và ưu tiên phát triển giao thông vận tải ở Thủ đô.
2. Xây dựng và phát triển giao thông vận tải phải đảm bảo tính Hệ thống, đồng bộ và liên thông.
3. Xây dựng và phát triển giao thông vận tải phải đảm bảo hiệu quả kinh tế-xã hội tổng hợp.
4. Các quan điểm về phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.
5. Các quan điểm về phát triển hệ thống phương tiện vận tải.
6. Các quan điểm về cơ chế, tổ chức, quản lý và đầu tư.

I/ HÌNH THẠNH KINH TẾ VÀ HỘI CHA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

1) Vị trí của Thủ đô Hà nội .

Năm 1009 Vua Lê Long Đĩnh chết, Tướng Lý Công Uẩn lên ngôi đến năm 1010, Lý công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Đại La (nay là Hà nội) và đổi tên là Thăng Long . Từ đó qua nhiều triều đại, dân tộc Việt nam đã củng cố, xây dựng kinh thành Thăng Long và đến nay trở thành Thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam .

Sự tồn tại của Thủ đô trên đất Hà nội trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước đã khẳng định sự lựa chọn đúng đắn vị trí Thủ đô của dân tộc ta .

Hà nội nằm gần trung tâm của Miền Bắc trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, giáp với vùng trung du miền núi Bắc Bộ và gần vùng Bắc Trung Bộ. Miền Bắc là nơi tập trung nhiều nguồn tài nguyên của đất nước , nhất là khoáng sản và nguồn thủy năng. Dự kiến đến năm 2000 miền Bắc có sản lượng khai thác than khoảng 7 triệu tấn tương đương trên 10 tỷ KWH, gỗ tròn khoảng 1 triệu m³ , Apatit 80 vạn tấn, sắt thép 20 vạn tấn, lương thực 11 triệu tấn, xi măng khoảng 3,3 + 4 triệu tấn ... và sẽ tiếp tục khai thác khối lượng lớn tre, nứa, mây song, tinh dầu , dược liệu và các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản. Như vậy Hà nội là nơi có điều kiện và đã thực sự trở thành trung tâm giao lưu kinh tế, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường hiện nay Hà nội là nơi có nhiều di tích lịch sử và ngay ở miền Bắc cũng có nhiều khu danh lam thắng cảnh, có nhiều nơi nghỉ mát thích hợp, điều đó đã tạo cho Hà nội có điều kiện phát triển ngành kinh tế du lịch và là trung tâm phục vụ du lịch của cả miền Bắc nói riêng và của cả nước nói chung .

Miền Bắc là khu vực đông dân, dự kiến đến năm 2000 dân số khoảng 40 triệu. Với sự hình thành và phát triển kinh tế,

văn hoá, khoa học kỹ thuật của Thủ đô, Hà nội đã trở thành trung tâm giao dịch cung và cầu hàng hoá nói chung và đặc biệt là sức lao động, trong đó phải kể đến số lao động có trình độ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ giỏi được quy tụ về Thủ đô .

Từ khi có Thủ đô , qua các triều đại phong kiến, trong suốt thời kỳ thực dân Pháp đô hộ và đặc biệt sau ngày giải phóng Thủ đô, một hệ thống các cơ sở đào tạo, một hệ thống các viện và trung tâm nghiên cứu với một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi được tập trung tại Hà nội. Đó là nơi thu hút và đồng thời cũng là nơi cung cấp những sản phẩm trí tuệ lớn nhất của cả nước. Thủ đô Hà nội xưa, nay và mai sau luôn luôn thực sự trở thành một trung tâm khoa học, kỹ thuật của cả nước .

Do sự ổn định vị trí của Thủ đô và sự phát triển liên tục về mọi mặt, một hệ thống giao thông vận tải nối liền giữa các khu vực, tỉnh thành đều quy tụ về Hà nội. Khoảng cách bình quân từ các trung tâm của các tỉnh, cảng biển và Hà nội khoảng 200 km; từ trung tâm của các tỉnh lân cận, của các trung tâm kinh tế lớn về cảng biển và Hà nội khoảng 70 km. Hệ thống giao thông (nên chưa nói đến chất lượng) đã hình thành và tương đối đồng bộ. Trong hệ thống này bao gồm hệ thống đường bộ có các trục chính tỏa đi khắp đất nước, hệ thống đường sắt nối liền Bắc Nam nối liền các khu vực kinh tế chủ yếu và thông thương với Trung Quốc đi đến các nước khác trên lục địa Á, Âu đều quy tụ về Hà nội. Sông Hồng qua Hà nội đã tạo ra sự thông suốt về đường thủy đi từ Hà nội đến một số vùng kinh tế chủ yếu và cảng biển của miền Bắc; Sân bay Nội Bài là một trong 3 sân bay lớn nhất của Việt Nam đã tạo ra sự thông suốt trong vận tải nối liền Hà nội với các khu vực lớn trong nước và với các nước trên thế giới .

Với vị trí của Hà nội trong hệ thống giao thông đã khẳng định Hà nội là đầu mối giao thông quan trọng của cả nước .

Là Thủ đô của một Quốc gia, Hà nội là nơi tập trung các cơ quan đầu não của Trung ương Đảng, Nhà nước , các tổ chức xã hội, các đoàn ngoại giao. Chính vì vậy Hà nội đã trở thành trung tâm chính trị, xã hội của nước ta. Điều đó một mặt là một thuận lợi cho Hà nội, một mặt Hà nội phải có trách nhiệm đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho các hoạt động chính trị xã hội và ngoại giao cho cả nước .

Trong toàn bộ tiến trình lịch sử và cho đến hôm nay , Hà nội là một trung tâm toàn diện, lớn nhất, quan trọng nhất về kinh tế, chính trị, văn hoá và khoa học, kỹ thuật của cả nước .

Với vị trí địa lý và hệ thống giao thông đã hình thành Hà nội có điều kiện thuận lợi mở rộng giao lưu kinh tế , văn hoá, khoa học kỹ thuật không những đối với các tỉnh miền Bắc, cả nước và đặc biệt đối với các tỉnh phía Nam Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Lào và các nước khác trong khu vực .

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, mỗi thế hệ đã xây dựng Thủ đô ngày càng to hơn và đẹp hơn để đáp ứng yêu cầu của mỗi thời kỳ dựng nước và giữ nước . Tiếp tục truyền thống đó, với yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc xây dựng Thủ đô là một yêu cầu tất yếu khách quan. Đặc biệt , với một tư duy mới, với một nền kinh tế mới - Kinh tế thị trường và mở cửa đã đặt ra yêu cầu tất yếu là phải nhanh chóng cải tạo, xây dựng Thủ đô với một nhịp độ cao để đáp ứng sự nghiệp xây dựng đất nước .

Tóm lại, phải xây dựng "Hà nội là trung tâm đầu não về chính trị, về văn hoá và khoa học kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế và giao lưu quốc tế của cả nước

(Trích nghị quyết 08 của Bộ Chính trị TW Đảng Cộng sản Việt nam ngày 21/01/1993).

2) Điều kiện tự nhiên và dân số.

Hà Nội có tổng diện tích là 922,8 km² chiếm 0,27 % diện tích cả nước, trong đó nội thành là 43 km² chiếm 4,3% diện tích toàn thành phố. Trong tổng diện tích Hà Nội có 4 vạn ha đất nông nghiệp - 15,6 % diện tích và có vài ngàn ha để xây dựng với đặc điểm như trên tạo điều kiện cho thành phố vừa phát triển nông nghiệp, vừa phát triển các khu công nghiệp và dịch vụ .

Hà Nội nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình cả năm xấp xỉ 24^oC , lượng mưa trung bình cả năm trên 1500 mm, độ ẩm trung bình cả năm trên 8 % Hà Nội nằm ở khu vực đồng bằng có địa thế thấp và về mùa mưa hay có bão, thường bị lũ lụt .

Về đơn vị hành chính, Hà Nội gồm 4 quận nội thành với 84 phường và 5 huyện ngoại thành với 10 thị trấn .

Dân số của Hà Nội tính đến năm 1990 có 2,051 triệu người trong đó có 0,931 triệu người ở nội thành và 1,12 triệu người ở ngoại thành . Mật độ dân số của toàn thành là 2.223 người trên 1 Km² ; trong đó ở nội thành mật độ dân số là 23275 người /Km² , và ở ngoại thành là 1.269 người/Km² . Về mật độ dân số, Thủ đô Hà Nội là cao nhất nước (Thành phố Hồ Chí Minh là 1.917 người/Km² , Hải Phòng là 986 người/Km²)

Tốc độ tăng dân số hiện nay xấp xỉ 2 % . Dự kiến năm 2000 là 2,355 triệu người với tỉ lệ tăng là 1,53 % , trong đó dân số nội thành là 1,035 triệu với tỉ lệ tăng 1,18 % .

Lực lượng lao động của Hà Nội khá phong phú trong đó số lao động thuộc khu vực Nhà nước khoảng 32 vạn người, ngoài khu vực Nhà nước là trên 1 triệu người, ngoài ra còn khoảng 10 vạn người chưa có việc làm và việc làm chưa ổn định. Số lượng lao động phân bố trong các ngành công nghiệp 21 % ;

Xây dựng cơ bản: 6 %; nông nghiệp : 60 %; các dịch vụ : 10 %; còn lại ở các ngành khác . Số lao động có chuyên môn, kỹ thuật trong tổng số lao động xã hội của Hà nội là 12 %, riêng trong ngành công nghiệp là 8,2 %, so với thành phố Hồ Chí Minh tương ứng là 5,1 % và 2,6 %. Hà nội với lượng lao động như trên có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong những năm tới . Tuy nhiên, hiện nay do nhiều điều kiện khác nhau, vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động là một đòi hỏi hết sức cấp bách .

3) Về Kinh tế .

+ Về công nghiệp .

Trên địa bàn Hà nội có 8.057 xí nghiệp, trong đó xí nghiệp quốc doanh là 239 chiếm 3,0 %; xí nghiệp ngoài quốc doanh 7.818 chiếm 97 % . Số xí nghiệp của trung ương là 135 trong tổng số 239 xí nghiệp quốc doanh. Còn lại là 104 xí nghiệp của địa phương . Giá trị tổng sản lượng công nghiệp của tất cả các xí nghiệp tại Hà nội là 1.060.065 triệu đồng chiếm 7,5 % tổng giá trị sản lượng công nghiệp của nền kinh tế quốc dân trong đó quốc doanh chiếm 84,71 %; ngoài quốc doanh chiếm 15,29 % . Các xí nghiệp công nghiệp của Hà nội sản xuất 90 % máy công cụ và máy cắt gọt; 74 % động cơ diezen 65 - 70 % quạt điện các loại; 40 % xe đạp hoàn chỉnh; 30 % máy bơm của cả nước . Nhiều xí nghiệp giữ vị trí hàng đầu của toàn ngành cơ khí như nhà máy chế tạo máy công cụ số 1; nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, nhà máy cơ khí Quang Trung nhà máy cơ khí giải phóng, nhà máy cơ khí Gia Lâm ...

Tuy nhiên sự phát triển của công nghiệp còn chậm, trong giai đoạn 86 - 90 tốc độ phát triển bình quân của toàn ngành công nghiệp là 4,8 %, riêng hàng tiêu dùng là 5,9 % Đặc biệt về công nghiệp sản xuất còn lạc hậu so với các nước trong vùng, điều đó đòi hỏi trong thời kỳ tới phải đẩy nhanh tốc độ thay thế công nghệ sản xuất .

Về mặt tổ chức quản lý, do chịu ảnh hưởng nặng nề của cơ chế quản lý cũ, khả năng tiếp cận thị trường kém, sản phẩm không có sức cạnh tranh nên phần lớn các cơ sở sản xuất đang trong tình trạng lúng túng, thua lỗ, chỉ có khoảng 40 % số xí nghiệp thích ứng được với cơ chế mới, tạo ra được sản phẩm mà thị trường chấp nhận. Cụ thể giá trị sản lượng của toàn ngành từ năm 89 - 90 giảm 6 %, riêng công nghiệp quốc doanh giảm 4 % (trong đó công nghiệp Trung ương giảm 7 %) và công nghiệp ngoài quốc doanh giảm 17 %. Nếu tính đến năm 1992 và đầu năm 1993, tình hình sản xuất công nghiệp đã dần dần đi vào thế ổn định và phát triển.

+ Về nông nghiệp.

Tổng diện tích đất nông nghiệp là 44.412 ha, trong đó đất canh tác là 40.783 ha (34.733 ha trồng lúa) chiếm 91,82% tổng diện tích đất nông nghiệp. Phần lớn đất nông nghiệp tập trung ở các huyện ngoại ngành (43.592 ha). Số lao động nằm trong nông nghiệp là 271.604 người, chiếm 39,86 % so với tổng số nhân khẩu nông nghiệp. Diện tích đất bình quân đầu người chỉ bằng 1/2 so với mức chung của đồng bằng sông Hồng, cụ thể bình quân đầu người là 0,065 ha/đầu người.

Tính đến năm 90, sản lượng thực quy ra thóc đạt 50 vạn tấn. Giá trị sản lượng nông nghiệp đạt 234.054 triệu đồng, chiếm 1,6 % tổng giá trị sản lượng nông nghiệp cả nước; Trong đó quốc doanh đạt 6.448 triệu đồng, chiếm 2,7 %; Ngoài quốc doanh là 227,606 triệu đồng chiếm 97,25 %. Năng suất nông nghiệp đạt thấp, mới đạt khoảng 114.000 đồng giá trị sản lượng trên một đầu người (bằng 1,2 mức trung bình của cả nước và xếp xỉ mức của Thái Bình). Mức sản xuất bình quân đầu người mới đạt khoảng 184 kg lương thực, 15 kg thịt lợn, 5 - 6 kg cá. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tổng sản lượng 86 - 90 mới đạt 5 %, trong đó quốc doanh giảm 4,3 %;

Ngoài quốc doanh tăng 5,4 %; Trồng trọt tăng 6,6%; chăn nuôi tăng 7,3% . Nhìn chung sản xuất nông nghiệp ở Thủ đô chưa phát triển để đáp ứng nhu cầu và sản phẩm nông nghiệp cung cấp cho Thủ đô, đời sống của nông dân còn khó khăn, số hộ nông dân còn nghèo khó chiếm khoảng 8 % . Sau khi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nói chung và cơ chế kinh tế trong nông nghiệp nói riêng, đến hết năm 1992 sản xuất nông nghiệp cũng dần dần ổn định .

+ Về thương nghiệp :

Tổng số lao động hoạt động trong lĩnh vực thương nghiệp là 76.328 người, trong đó quốc doanh là 23.770 người chiếm 31,14 %; ngoài quốc doanh là 52.558 người chiếm 68,86 %, trong tổng số lao động trong lĩnh vực thương nghiệp .

Tổng mức bán lẻ trên thị trường là 2.317.287 triệu đồng trong đó quốc doanh là 718.963 triệu đồng chiếm 31 %, tập thể là 50.187 triệu đồng chiếm 2,2 %; tư nhân là 1.548.137 triệu đồng chiếm 66,8 % . Năng suất lao động bình quân của 1 người đạt 30,35 triệu đồng /người năm .

Thị trường hàng hoá trong giai đoạn 86 - 90 nở những chuyển biến mạnh mẽ do tác động của cơ chế mới nhưng cũng bộc lộ những mặt yếu kém. Thương nghiệp quốc doanh lúng túng khi chuyển sang cơ chế mới, chưa làm được nhiệm vụ điều tiết cung cầu và giá cả. Quá trình "bung ra" của lĩnh vực dịch vụ vừa có một tích cực sống động, vừa có mặt tiêu cực lạm phát, nhất là sự đổ vỡ của các quỹ tín dụng nhân dân là một ví dụ điển hình. Điều đó chứng tỏ việc điều tiết vĩ mô và quản lý thị trường của Nhà nước nói chung và của cấp thành phố nói riêng còn nhiều sơ hở, yếu kém. Tình hình trên đây từ năm 90 92 đã được cải thiện một bước, thị trường ổn định, lạm phát đã được khống chế và giảm dần .

+ Về giáo dục - Y tế - Văn hoá .

- Về giáo dục, Hà nội cơ bản đã thực hiện được mục tiêu xoá mù chữ củng cố, ổn định và có mặt phát triển tốt, được Bộ Giáo dục tặng cờ thi đua về xoá mù chữ .

Hiện tại Hà nội có 512 người đi học trong đó học sinh mẫu giáo là 52.193 người chiếm 10,19 %, học sinh phổ thông 416.187 người chiếm 81,25 %, sinh viên Đại học và Trung học chuyên nghiệp 43.852 người chiếm 8,56 % .

Đội ngũ giáo viên có 27.369 người trong đó giáo viên Đại học và trung học chuyên nghiệp 9.856 người chiếm 36,01 %; giáo viên trung học và cơ sở 15.121 người chiếm 55,26 %; giáo viên nẫu giáo 2.391 người chiếm 8,73 % .

Về cơ sở vật chất, có 641 trường Đại học trong đó có 64 trường Đại học và trung học chuyên nghiệp, 354 trường phổ thông trung học và cơ sở ; 223 trường mẫu giáo .

- Về văn hoá, trong những năm qua Hà nội đã cố gắng nâng cao đời sống, văn hoá tinh thần cho người dân - Hiện nay, thành phố Hà nội có 22 rạp hát và chiếu phim hàng năm phục vụ 2.955.600 lượt người xem, tổng số sách báo xuất bản các loại là 41.020 cuốn và 13 thư viện với 607.000 lượt người đọc .

- Về Y tế, Hà nội đã tập trung chỉ đạo thực hiện các chương trình y tế quốc gia. Thành phố đã hỗ trợ kinh phí cho phường xã để nâng cấp, sửa chữa trạm xá, phòng hộ sinh ... đưa tổng số các xã phường được trang bị đầy đủ dụng cụ y tế lên 60 % .

Hiện tại Hà nội có 164 bệnh viện, trạm xá với 8617 giường bệnh 6.680 bác sĩ, y tá, y sĩ... trong đó bác sĩ chiếm 30 %, y tá chiếm 50 % .

- Về xã hội, trong những năm 86-90 Hà nội đã giải quyết công ăn việc làm cho hàng vạn người, an ninh trật tự dần dần được giữ vững .